

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 03-3-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
và nợ hui”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Kim Ánh

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2022/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Bà Dương Thị Ứng C, sinh năm 1973

Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2022 và bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày như sau:** Vào khoảng năm 2009 bà có cho bà Dương Thị Ứng C vay số tiền 74.000.000đ (bảy mươi bốn triệu đồng), thỏa thuận lãi suất từ 4%-5%/tháng, bà C đóng lãi đầy đủ đến cuối năm 2017 thì bà C ngưng không đóng lãi nhưng bà C có trả được tiền gốc là 48.800.000đ (bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) và nợ lại 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng). Từ cuối năm 2017 đến nay bà C không trả thêm tiền gốc và đóng lãi khoản nào.

Năm 2014 bà có tham gia chơi hui do bà C làm chủ các dây hui như sau: Dây hui 1.000.000đ (một triệu đồng) có 43 phần áp hui 20/4/2014; Dây hui 500.000đ (năm trăm đồng) có 42 phần áp ngày 26/8/2014; Dây hui 2.000.000đ (hai triệu đồng) có 35 phần áp ngày 30/02/2015; Dây hui 1.000.000đ (một triệu đồng) có 41 phần áp hui 10/12/2014; Dây hui 1.000.000đ (một triệu đồng) có 43 phần áp hui 15/7/2015; Dây hui 2.000.000đ

(hai triệu đồng) không nhớ ngày tháng áp. Đồng thời, bà có mua thêm một chân hụi của bà C bằng số tiền 27.950.000đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Hụi xổ đến cuối năm 2017 thì bà C bẻ hụi không xổ nữa. Từ khi bẻ hụi thì bà C không thanh toán nợ hụi và tiền vay cho bà. Bà và bà C có gặp nhau tính toán khoản tiền hụi bà C còn nợ bà là 198.950.000đ (một trăm chín mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Đồng thời, còn nợ tiền vay chưa trả lại 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền nợ hụi và tiền vay mà bà C phải trả cho bà 224.150.000 đ (hai trăm hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi cộng số tiền nợ bà C có hẹn xin trả mỗi tháng 2.000.000đồng nghĩ tình nghĩa xóm làng nên bà vẫn đồng ý, tuy nhiên sau khi chót nợ và hẹn cách trả nợ bà C vẫn không thực hiện. Bà có gặp và đôn đốc, nhắc nhở bà C trả nợ nhiều lần nhưng bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà C đã nợ bà từ năm 2017 đến nay không trả làm ảnh hưởng đến bà và bà đã cho cơ hội bà C trả dần từ năm 2017 đến nay nhưng bà C vẫn không có thiện chí trả nợ nên bà khởi kiện đến Tòa án. Bà C làm chủ hụi với mục đích kiếm thêm thu nhập về trang trải trong gia đình nên khi bà C làm ăn thất thoát thiếu nợ thì chồng bà C là ông Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ cùng bà C trả nợ cho bà. Số tiền lãi bà C đã đóng cho bà trên số tiền vay đã qua nên bà không yêu cầu Tòa án tính lại.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Ứng C cùng chồng tên Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ 224.150.000đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai đề ngày 03/01/2023, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị Ứng C trình bày như sau: Bà thừa nhận năm 2009 có vay tiền của bà T số tiền 74.000.000đ (bảy mươi bốn triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, bà đã đóng lãi đầy đủ cho bà T đến năm 2017 thì bẻ hụi nên không đóng nữa, đến đầu năm 2018 bà có trả cho bà T số tiền gốc 48.800.000đ (bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) và thiếu lại 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, vào năm 2014 thì bà T có tham gia chơi các dây hụi do bà làm chủ các dây hụi và bà còn nợ bà T cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1.000.000đ (một triệu đồng) áp hụi 20/4/2014, bà còn nợ bà T 40.800.000đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Dây hụi 500.000đ (năm trăm đồng) áp ngày 26/8/2014, bà còn nợ bà T 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng).

+ Dây hụi 2.000.000đ (hai triệu đồng) áp ngày 30/02/2015, bà còn nợ bà T 27.600.000đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)

+ Dây hụi 1.000.000đồng (một triệu đồng) áp hụi 10/12/2014, bà còn nợ bà T 42.250.000đồng (bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Dây hụi 1.000.000đồng (một triệu đồng) áp hụi 15/7/2015, bà còn nợ bà T 38.750.000đồng (ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Dây hụi 2.000.000đ (hai triệu đồng) không nhớ ngày áp chỉ nhớ nhưng bà thừa nhận còn nợ bà T 3.600.000đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Do bà cần tiền nên bà có bán cho bà T một chân hụi bằng số tiền 27.950.000đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Các dây hụi của bà chỉ xổ đến cuối năm 2017 thì ngưng không xổ nữa do bà bị một số hụi viên hốt hụi xong không đóng hụi chết cho bà nên bà phải trả hụi cho những hụi viên này dẫn đến bà mất khả năng thanh toán và tuyên bố bế hụi từ cuối năm 2017. Sau khi bế hụi, bà T có gặp bà để cộng lại các khoản tiền mà bà còn nợ gồm tiền hụi 198.950.000đồng (một trăm chín mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền vay gốc 25.200.000đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng bà nợ bà T 224.150.000đ (hai trăm hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà và gia đình cũng cố gắng làm trả nợ nhưng do thu nhập quá thấp chỉ đủ ăn nên không có dư để trả tiền cho bà T. Chồng bà tên Đỗ Văn H đã sống với nhau hơn 30 năm đến nay vẫn còn sống chung. Lý do bà thiếu nợ là bà phải bù hụi cho những hụi viên đã hốt hụi mà không đóng hụi chết và trang trải chi phí gia đình, tuy nhiên khoản nợ này ông H không biết và không liên quan đến khoản tiền nợ này nên bà sẽ tự chịu trách nhiệm một mình trả nợ cho bà T. Còn đối với số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà T từ năm 2014 đến năm 2017 cho khoản tiền vay bà không yêu cầu Tòa án tính lại, vì việc đóng lãi hai bên không có biên nhận hay giấy tờ gì, hơn nữa từ năm 2017 đến nay bà cũng không trả được nợ cho bà T nên bà T cũng đã thiệt thòi nhiều rồi.

Nay, bà T khởi kiện vợ chồng bà ra Tòa án thì bà thừa nhận hiện còn nợ bà T số tiền 224.150.000đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay rất khó khăn và vợ chồng bà đã lớn tuổi nên không có làm gì có thu nhập nhiều tiền nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

*** Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày tại bản:** Trong việc vợ ông là bà Dương Thị Ứng C có vay nợ và thiếu tiền hụi bà bà Nguyễn Ngọc T tổng cộng là 224.150.000đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Số nợ này ông không hề hay biết và bà T chưa một lần nào gặp ông để nói đến khoản nợ này, để ông có giải pháp với bà Nguyễn Ngọc T cùng trả nợ sớm. Nay, bà T khởi kiện và yêu cầu bà C cùng với ông phải trả số tiền nợ nêu trên là ông không đồng ý vì ông không liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc T và bà Dương Thị Ứng C, ông Đỗ Văn H là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi”. Bị đơn có địa chỉ tại ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Đỗ Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về nội dung: Vào khoảng năm 2009 bà C có vay của bà T số tiền

74.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất từ 4%-5%/tháng, bà C đã đóng lãi đầy đủ đến cuối năm 2017 và trả thêm số tiền gốc 48.800.000đồng và thiếu lại 25.200.000đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng). Đồng thời, năm 2014 bà C có làm chủ hụi và bà T có tham gia chơi nhiều dây hụi, đến cuối năm 2017 bà C tuyên bố bẻ các dây hụi, ngưng không xỏ nữa, sau khi ngưng xỏ hụi thì giữa bà C và bà T có gặp nhau để chốt lại số tiền bà C còn nợ bà T gồm tiền hụi 198.950.000đồng và tiền vay gốc 25.200.000đồng, tổng cộng số tiền bà C nợ bà T 224.150.000 đồng. Bên bà T có yêu cầu vợ chồng bà C trả nợ nhiều lần nhưng bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện đến Tòa án yêu cầu vợ chồng bà C, ông H thanh toán số tiền nợ nêu trên. Bà C thừa nhận còn nợ bà T số tiền 224.150.000 đồng là đúng sự thật nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên xét yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền mà bà C đã đóng lãi cho khoản tiền vay cho bà C từ khoảng năm 2009 đến năm 2017 bà C và bà T cho rằng số tiền đó đã thanh toán cho nhau xong từ rất lâu nên không yêu cầu Tòa án tính lại. Còn đối với yêu cầu của bà T với số tiền phải trả thì bị đơn bà C cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, vợ chồng không có làm gì có thu nhập nhiều nên bà xin hẹ trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ nhưng không được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3] Đối với bị đơn ông Đỗ Văn H cho rằng đây là khoản nợ do bà C tự gây ra, ông không biết; hơn nữa, bà T cũng chưa lần nào gặp ông để đề cập đến khoản tiền mà vợ ông nợ nên ông không liên quan và không đồng ý cùng với bà C trả nợ theo yêu cầu của bà T. Tuy nhiên, bà C thừa nhận bà và ông H là vợ chồng hợp pháp vẫn chưa ly hôn, vẫn còn sống chung nhà ở địa chỉ ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Do bà phải bù hụi cho những hụi viên đã hốt hụi mà không đóng hụi chết và trang trải chi phí gia đình nên mới thiếu nợ, tiền nợ này là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà C trả số tiền nợ nêu trên cho bà T là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $224.150.000\text{đồng} \times 5\% = 11.207.500\text{đồng}$ buộc bà C, ông H phải có nghĩa vụ nộp.

Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà bà đã nộp là 5.600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001894 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 17 và Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về “họ, hụi, biếu, phường”; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T.

Buộc: bà Dương Thị Ứng C, ông Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 224.150.000đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà C, ông H chưa trả đủ số tiền nêu trên thì bà C, ông H còn phải chịu lãi suất theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 11.207.500đồng (Mười một triệu hai trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) buộc bà C, ông H phải có nghĩa vụ nộp.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà bà T đã nộp là 5.600.000đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001894 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 03/3/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh